

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2009 (Báo cáo chưa được kiểm toán)

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội Dung	Số dư 30.06.09	Số dư 31.03.09
I	Tài sản ngắn hạn	287,742,773,987	269,150,249,876
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10,580,086,571	21,256,193,046
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12,292,627,750	11,322,258,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	215,994,607,184	180,847,995,564
4	Hàng tồn kho	37,397,780,558	39,574,238,445
5	Tài sản ngắn hạn khác	11,477,671,924	16,149,564,821
II	Tài sản dài hạn	134,901,933,373	132,621,039,564
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định		
	- Tài sản cố định hữu hình	26,198,196,038	27,175,788,913
	- Tài sản cố định vô hình	3,348,376,052	3,406,961,651
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	57,901,729,493	54,219,976,386
3	Bất động sản đầu tư	39,210,616,551	39,485,291,086
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,800,000,000	5,800,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	2,443,015,239	2,533,021,528
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	422,644,707,360	401,771,289,440
IV	Nợ phải trả	273,839,989,943	256,210,428,800
1	Nợ ngắn hạn	256,795,024,672	239,224,517,529
2	Nợ dài hạn	17,044,965,271	16,985,911,271
V	Vốn chủ sở hữu	147,420,237,524	144,208,124,778
1	Vốn chủ sở hữu	145,122,657,320	141,823,544,574
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64,657,150,000	64,657,150,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	48,157,425,000	48,157,425,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(909,515,400)	(909,515,400)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	13,076,699,095	13,076,709,094
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20,140,898,625	16,841,775,880
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,297,580,204	2,384,580,204
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,297,580,204	2,384,580,204
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	1,384,479,893	1,352,735,862
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	422,644,707,360	401,771,289,440

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ Tiêu	Quý 2/2009	Luỹ kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	71,240,300,735	146,307,009,163
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	71,240,300,735	146,307,009,163
4	Giá vốn hàng bán	63,129,284,403	126,819,156,990
5	LN gộp về bán hàng & CC dịch vụ	8,111,016,332	19,487,852,173
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,106,978,193	1,646,385,257
7	Chi phí tài chính	397,136,130	923,608,958
8	Chi phí bán hàng	127,824,379	274,525,917
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,971,877,620	3,340,737,099
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,721,156,396	16,595,365,456
11	Thu nhập khác	571,964,797	791,973,338
12	Chi phí khác	93,635,416	93,635,416
13	Lợi nhuận khác	478,329,381	698,337,922
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,199,485,777	17,293,703,378
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,802,783,533	4,331,408,829
16	LN sau thuế TNDN	5,396,702,244	12,962,294,549
16.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	13,857,561	12,542,480
16.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	5,382,844,683	12,949,752,069
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

III CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản (%)		
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	32%	33%
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	68%	67%
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	64.79%	63.77%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	34.88%	35.89
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	Khả năng thanh toán nhanh	0.09	0.14
	Khả năng thanh toán hiện hành	1.12	1.13
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	1%	2%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	8%	10%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	4%	5%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC